

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định trách nhiệm của UBND cấp huyện,  
UBND cấp xã về quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 159/2007/NĐ-CP ngày 30/10/2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2583/TTr-SNN-KL ngày 18 tháng 12 năm 2007,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã về quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt; Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm; Hạt Trưởng các Hạt Kiểm lâm; Thủ trưởng các đơn vị quản lý rừng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
(Đã ký)**

**Huỳnh Đức Hòa**

**QUY ĐỊNH**

**Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã  
về quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND  
ngày 07 tháng 01 năm 2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định trách nhiệm về quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng theo địa giới hành chính và phân định đất lâm nghiệp tại địa phương.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

UBND các huyện, thị xã Bảo Lộc, thành phố Đà Lạt (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn trong tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) thực hiện trách nhiệm về quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng theo phân cấp.

**Chương II**

**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ RỪNG**

**Điều 3. Trách nhiệm quản lý rừng của UBND cấp huyện**

1. Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng:

a) Vào năm cuối của kỳ quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, UBND cấp huyện chỉ đạo Hạt Kiểm lâm chủ trì phối hợp với các ngành chức năng liên quan, UBND cấp xã và các đơn vị quản lý rừng đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của kỳ đó. Lập dự thảo quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng cho kỳ tiếp theo; gửi dự thảo đề lấy ý kiến của các ngành, UBND cấp xã, các đơn vị quản lý rừng, chủ rừng; tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu ý kiến để hoàn chỉnh quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của cấp huyện. Nguyên tắc, căn cứ, nội dung, trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh, trình phê duyệt và công bố quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng thực hiện theo quy định tại các Điều 10, 13, 14 - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

b) Căn cứ vào quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 5 năm, hàng năm; UBND huyện tổ chức chỉ đạo việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương. Theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo việc thực hiện; kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch từng năm cho phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, phát triển rừng trên từng địa bàn. Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch, bảo vệ và phát triển rừng của cấp dưới trực tiếp.

c) Vào năm cuối của kỳ quy hoạch, lập báo cáo kết quả kỳ quy hoạch gửi về UBND tỉnh trong quý IV, đồng thời báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp; lập báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm, vào năm cuối của kỳ kế hoạch 5 năm phải kèm báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện

cả kỳ kế hoạch 5 năm gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, đồng thời báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Căn cứ vào tiêu chí phân loại rừng đặc dụng quy định tại Quyết định số 62/2005/QĐ-BNN ngày 12/10/2005 và tiêu chí phân cấp rừng phòng hộ quy định tại Quyết định số 61/2005/QĐ-BNN ngày 12/10/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, diện tích rừng và đất rừng được phân cấp quản lý, UBND cấp huyện thực hiện phân loại, xác định ranh giới các loại rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

3. Hàng năm, UBND cấp huyện chỉ đạo Hạt Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng liên quan, UBND cấp xã và các đơn vị quản lý rừng, chủ rừng thực hiện việc thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; thời hạn kết thúc vào ngày 31 tháng 12 và tổng hợp báo cáo kết quả vào ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Việc thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng thực hiện theo quy định tại các Điều 39, 40 - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

4. Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm chủ trì, phối hợp cùng các ngành chức năng liên quan cấp huyện:

a) Thẩm định phương án giao rừng, cho thuê rừng của UBND cấp xã phù hợp với quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng và mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, tham mưu trình UBND cấp huyện phê duyệt;

b) Thẩm định hồ sơ xin giao rừng, thuê rừng của cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng trình UBND cấp huyện quyết định giao rừng, cho thuê rừng; kiểm tra việc đăng ký quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng trồng của cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng trình UBND cấp huyện ghi nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

c) Phối hợp cùng UBND cấp xã kiểm tra, lập hồ sơ những trường hợp không thực hiện đúng phương án giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng trình cấp có thẩm quyền xử lý;

d) Hướng dẫn UBND cấp xã lập phương án giao rừng, cho thuê rừng phù hợp với đối tượng cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng trên địa bàn; kiểm tra theo dõi việc thực hiện các hợp đồng thuê rừng, khoán rừng, quy định về giao rừng của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn, báo cáo kết quả về UBND cấp huyện định kỳ theo quy định.

Căn cứ giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng thực hiện theo quy định tại các điều, từ Điều 19 đến Điều 26 - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

5. Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm hướng dẫn UBND cấp xã lập và quản lý hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng, cập nhật biến động về rừng, đất rừng; kiểm tra xác nhận quyền sử dụng rừng hợp pháp không có tranh chấp, quyền sở hữu rừng trồng do cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng tự đầu tư vốn và công sức để gây trồng, quản lý bảo vệ thành rừng để chuyển đến văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường xét trình UBND cấp huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng thời ghi nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng trồng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ rừng.

#### **Điều 4. Trách nhiệm quản lý rừng của UBND cấp xã**

1. Vào năm cuối của kỳ quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng UBND cấp xã tổ chức, chỉ đạo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của kỳ đó. Lập dự thảo quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng cho kỳ tiếp theo có sự tham gia của các đoàn thể, cán bộ chuyên trách các ngành chức năng của cấp xã, Kiểm lâm địa bàn, cán bộ biệt phái của các đơn vị quản lý rừng thuộc địa bàn, đại diện các khu phố, thôn. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lập, điều chỉnh, trình phê duyệt và công bố quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng thực hiện theo quy định tại các Điều 10, 13, 14 - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

2. Căn cứ bản đồ địa giới hành chính, bản đồ phân định nông lâm, theo sự chỉ đạo của UBND cấp huyện; UBND cấp xã chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn phối hợp với cán bộ địa chính, cán bộ chuyên trách lâm nghiệp cấp xã, cán bộ kỹ thuật thuộc các đơn vị quản lý rừng thuộc địa bàn thực hiện việc phân định ranh giới ba loại rừng trên bản đồ và trên thực địa; lập báo cáo kết quả, kèm bản đồ phân định gửi UBND cấp huyện.

3. Chỉ đạo cán bộ Kiểm lâm địa bàn và cán bộ chuyên trách lâm nghiệp cấp xã chủ trì, phối hợp với các đơn vị quản lý rừng, chủ rừng định kỳ hàng năm theo quy định và theo chỉ đạo của UBND cấp huyện thực hiện việc thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng trên địa bàn, tham mưu UBND cấp xã lập báo cáo gửi UBND cấp huyện đúng thời hạn. Nội dung thống kê rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng thực hiện theo quy định tại các Điều 39, 40 - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

4. Tổ chức, chỉ đạo xây dựng phương án giao rừng, cho thuê rừng trên diện tích rừng và đất rừng chưa giao, chưa cho thuê thuộc diện tích giao cho UBND cấp xã quản lý gửi Hạt Kiểm lâm thẩm định, trình UBND cấp huyện phê duyệt để thực hiện;

Sau khi nhận được quyết định giao rừng, cho thuê rừng cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng của UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức bàn giao rừng ngoài thực địa có sự tham gia của cơ quan chức năng và các chủ rừng có chung ranh giới; lập biên bản bàn giao rừng; chứng kiến việc đóng mốc ranh giới và xác nhận ranh giới rừng của các chủ rừng trên thực địa.

5. Lập và quản lý hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng và đất để trồng rừng; hồ sơ khoán quản lý bảo vệ rừng và đất để trồng rừng, theo sự hướng dẫn của Hạt Kiểm lâm.

6. Hướng dẫn cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư địa phương thực hiện quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn cấp xã đã được UBND huyện phê duyệt; kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 5 năm và hàng năm do UBND cấp xã quyết định; thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất nương rẫy, chăn thả gia súc trong khu vực đã quy hoạch; phát hiện cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm và kịp thời lập hồ sơ xử lý theo thẩm quyền.

Vào năm cuối của kỳ quy hoạch, lập báo cáo kết quả kỳ quy hoạch gửi về UBND cấp huyện vào quý IV, đồng thời báo cáo Hội đồng nhân dân cấp xã; lập báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm, vào năm cuối của kỳ kế hoạch 5 năm phải kèm báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện

cả kỳ kế hoạch 5 năm gửi về UBND cấp huyện, đồng thời báo cáo Hội đồng nhân dân cấp xã.

### **Chương III** **TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ RỪNG**

#### **Điều 5.** Trách nhiệm bảo vệ rừng của UBND cấp huyện

1. Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm chủ trì phối hợp các phòng chức năng tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương.

2. Tổ chức, chỉ đạo các phòng chức năng của huyện phối hợp với các cơ quan nghiên cứu khoa học để chuyển giao kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực tại địa phương, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng.

3. Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các Đoàn thể quần chúng, Đài Phát thanh truyền hình, UBND cấp xã thực hiện việc tuyên truyền pháp luật bảo vệ và phát triển rừng đến mọi tầng lớp nhân dân; vận động xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong các cộng đồng dân cư.

4. Tổ chức, chỉ đạo kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ và phát triển rừng; huy động các lực lượng, ngành chức năng, UBND cấp xã, chủ rừng phối hợp kiểm tra thực hiện các biện pháp phòng chống phá rừng, gây cháy rừng, săn bắt, buôn bán, nuôi nhốt, kinh doanh động, thực vật rừng trái phép, phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

5. Cấp và thu hồi các loại giấy phép:

a) Giấy phép khai thác gỗ cho hộ, nhóm hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tự khai thác theo kế hoạch hàng năm đã được UBND tỉnh quyết định;

b) Giấy phép khai thác tận dụng gỗ không thuộc đối tượng cây trong khai thác chính cho chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn;

c) Giấy phép tận thu, cây gỗ nằm, gỗ khô lục, lóc lõi, gỗ cháy, cành, ngọn, gốc, rễ cây với mọi kích thước, chủng loại cho chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn;

d) Giấy phép khai thác tre nứa cho các chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn;

đ) Giấy phép khai thác rừng trồng, gỗ vườn, cây trồng phân tán bằng vốn vay của Nhà nước, vốn vay các tổ chức khác mà Nhà nước bảo lãnh đối với chủ rừng là tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn bằng vốn viện trợ, vốn ngân sách Nhà nước.

e) Giấy phép khai thác gỗ rừng tự nhiên do chủ rừng tự bỏ vốn khoan nuôi, tái sinh trên diện tích đã có rừng nhằm mục đích thương mại;

Trình tự thủ tục lập hồ sơ khai thác gỗ và lâm sản khác, thực hiện theo quy định tại Quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác ban hành kèm theo Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Chủ tịch UBND cấp huyện phải chủ động, kịp thời tổ chức, chỉ đạo thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng trên phạm vi địa phương theo phân công, phân cấp. Nêu đề xảy ra phá rừng, phát đốt rừng làm rẫy trái phép, cháy rừng, sử dụng đất lâm nghiệp sai mục đích, khai thác rừng xảy ra thường xuyên ở nhiều nơi trong địa phương mà không có biện pháp kiểm tra, ngăn chặn, xử lý chấm dứt thì phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

#### **Điều 6. Trách nhiệm bảo vệ rừng của UBND cấp xã**

1. Chỉ đạo cán bộ chuyên trách lâm nghiệp xã và Kiểm lâm địa bàn tham mưu giúp UBND cấp xã xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện chủ trương, biện pháp quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; quy định các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý rừng, bảo vệ rừng trong phạm vi quản lý; kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn quản lý.

Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng do UBND cấp xã tổ chức theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo cán bộ chuyên trách lâm nghiệp cấp xã phối hợp cán bộ Kiểm lâm địa bàn giúp thôn, buôn, khu phố xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng; tổ chức huy động, phối hợp lực lượng quần chúng bảo vệ rừng với Kiểm lâm, Công an xã, Dân quân trên địa bàn đề tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện và ngăn chặn những hành vi xâm hại rừng, gây cháy rừng, đập tắt cháy rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

3. Tổ chức, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ và phát triển rừng thường xuyên, sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn bằng nhiều hình thức như tuyên truyền miệng, phát tin bài qua hệ thống truyền thanh xã, giao lưu văn hoá, thi tìm hiểu pháp luật, ...

4. Cấp phép khai thác lâm sản ngoài gỗ và tre nứa (trừ những loài quý hiếm, cấm khai thác sử dụng theo quy định của Chính phủ); xác nhận cho phép khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ và tre nứa; xác nhận sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ và tre nứa khai thác hợp pháp, cụ thể:

a) Cấp phép và thu hồi cấp phép cho khai thác lâm sản ngoài gỗ và tre nứa (trừ những loài quý hiếm, cấm khai thác sử dụng theo quy định của Chính phủ) trong rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên thuộc quyền quản lý của UBND cấp xã, bảo đảm nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của từng loài và không được làm ảnh hưởng đến khả năng phòng hộ của rừng;

b) Cho phép khai thác tận dụng cây đứng là rừng trồng thuộc đối tượng rừng sản xuất của chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn;

c) Xác nhận để chủ rừng khai thác, tiêu thụ nhằm mục đích thương mại gỗ rừng sản xuất là rừng tự nhiên khoanh nuôi tái sinh do chủ rừng tự bỏ vốn đầu tư;

d) Xác nhận để UBND cấp huyện cấp phép cho chủ rừng khai thác gỗ rừng tự nhiên khoanh nuôi tái sinh trên diện tích đã có rừng do chủ rừng tự bỏ vốn đầu tư nhằm mục đích thương mại;

đ) Xác nhận đề UBND cấp huyện cấp phép cho chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn khai thác gỗ nhằm mục đích thương mại trong rừng phòng hộ được giao, khoán do cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn tự bỏ vốn đầu tư;

e) Xác nhận thủ tục đề vận chuyển, cất trữ gỗ khai thác hợp pháp từ rừng tự nhiên Nhà nước cho thuê hoặc giao cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn;

f) Xác nhận thủ tục đề vận chuyển, cất trữ gỗ khai thác hợp pháp từ rừng trồng, vườn nhà, cây trồng phân tán cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn;

g) Xác nhận thủ tục đề cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn cất trữ hoặc xin cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt thực vật rừng (trừ gỗ) và sản phẩm của chúng thuộc loài nguy cấp quý hiếm;

h) Xác nhận thủ tục đề vận chuyển, cất trữ gỗ xẻ và đồ mộc chưa hoàn chỉnh là sản phẩm của cơ sở chế biến gỗ có nguồn gốc hợp pháp cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn;

5. Chủ tịch UBND cấp xã phải chủ động, kịp thời tổ chức, chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng trên phạm vi địa phương theo phân công, phân cấp. Nếu để xảy ra phá rừng, phát đốt rừng làm rẫy trái phép, cháy rừng, sử dụng đất lâm nghiệp sai mục đích, khai thác rừng xảy ra thường xuyên ở nhiều nơi trong địa phương mà không có biện pháp kiểm tra, ngăn chặn, xử lý chấm dứt thì phải chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện.

#### **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 7.** Trách nhiệm giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản của UBND cấp huyện

1. Giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất có rừng, đất để trồng rừng giữa các bên tranh chấp là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư với nhau mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất có rừng, đất để trồng rừng theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật bảo vệ và phát triển rừng.

2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản chưa gây thiệt hại hoặc đã gây thiệt hại đến rừng, lâm sản, môi trường rừng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 20.000.000 đồng; tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác rừng, Giấy phép sử dụng súng săn, Giấy chứng nhận đăng ký gây nuôi sinh sản động vật rừng trong thời hạn 1 năm, Giấy phép hành nghề kinh doanh nhà hàng, khách sạn, cửa hàng mỹ nghệ, cửa hàng lưu niệm trong thời hạn 2 năm, Giấy phép, chứng chỉ CITES, Giấy phép vận chuyển đặc biệt, giấy phép lái xe trong thời hạn 6 tháng; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng vi phạm hành chính; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 6 - Nghị định số 159/2007/NĐ-CP ngày 30/10/2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

b) Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND cấp

huyện quy định tại các điều, từ Điều 8 đến Điều 23 - Nghị định số 159/2007/NĐ-CP ngày 30/10/2007 của Chính phủ;

3. Quyết định cưỡng chế chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm.

**Điều 8.** Trách nhiệm giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản của UBND cấp xã

1. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội khác để hoà giải các tranh chấp quyền sử dụng đất có rừng, đất để trồng rừng giữa các bên tranh chấp là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, đơn vị quản lý rừng trên địa bàn với nhau theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật bảo vệ và phát triển rừng.

2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản chưa gây thiệt hại hoặc đã gây thiệt hại đến rừng, lâm sản, môi trường rừng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng; áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả gồm buộc tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép, buộc khắc phục hoặc thanh toán chi phí khắc phục hậu quả trên diện tích bị đào, bới do vi phạm hành chính gây ra.

b) Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thuộc thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND cấp xã quy định tại các điều, từ Điều 8 đến Điều 23 - Nghị định số 159/2007/NĐ-CP ngày 30/10/2007 của Chính phủ, trong khung xử phạt thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm a khoản 2 điều này.

3. Quyết định cưỡng chế chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cá nhân, tổ chức không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND cấp xã.

## **Chương V**

### **TRÁCH NHIỆM THI HÀNH**

**Điều 9.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Sở kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành chức năng có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

**Điều 10.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện đúng quy định về trách nhiệm của mình.

Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung kịp thời./-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**  
(Đã ký)

**Huỳnh Đức Hòa**